

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2020
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ích Rồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Mai Thị Trường.

2. Ông: Nguyễn Văn Hùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Ngân – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng - tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 2 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị C, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Bản Đ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên;

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị C:

Bà Lò Thị Khánh H – Trợ giúp viên pháp lý

Công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Quảng Văn P, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Bản Đ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên;

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 03 tháng 2 năm 2020, tại bản tự khai và tại phiên

tòa, nguyên đơn chị Lò Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Quảng văn P chung sống như vợ chồng từ năm 2014; đến ngày 10 tháng 4 năm 2017, chị C và anh Quảng Văn P đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn, hai bên tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C, anh P chung sống hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn; do tính cách chị C và anh P không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành; cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Đến tháng 5 năm 2018, chị C và anh P đã sống ly thân cho đến nay. Chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị C làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xem xét giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Quảng Văn P.

Về con chung: Chị Lò Thị C và anh Quảng Văn P có 01 người con chung là cháu Quảng Văn D, sinh ngày 12/01/2015. Hiện nay cháu D đang sống cùng với anh P tại Bản Đ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nguyên vọng của chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quảng Văn D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. chị C không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị C.

Về tài sản:

- Tài sản chung của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).
- Tài sản riêng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).
- Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Bị đơn: Anh Quảng Văn P không có ý kiến gì

Tại phiên tòa: Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị C đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị C được ly hôn anh P và giao cháu D cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Quảng Văn D đủ 18 tuổi; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lò Thị C; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và các khoản nợ. Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị C

Chị Lò Thị C nhất trí với ý kiến của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị C và không có ý kiến gì bổ sung.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:

Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét

xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị C và anh Quảng Văn P đăng ký kết hôn từ ngày 10/4/2017 tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn với nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Từ khi lấy nhau chị C, anh P chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau. Mặc dù được 2 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân đã lâu, không còn chăm sóc quan tâm đến nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81,82,83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị C, tuyên xử cho chị Lò Thị C được ly hôn với anh Quảng Văn P.

Chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quảng Văn D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Không giải quyết về phân tài sản và khoản nợ.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lò Thị C và anh Quảng Văn P đều cư trú tại Bản Đ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Chị C khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung với anh P nên Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng; thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Quảng Văn P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lò Thị C và Anh Quảng Văn P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10/ 4/2017 tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Điện

Biên. Sau khi kết hôn Chị C và anh P chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh P, chị C đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay; không quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cần giải quyết cho chị Lò Thị C được ly hôn anh Quảng Văn P.

[3] Về con chung: Chị C và anh P có 01 người con chung là cháu Quảng Văn D, sinh ngày 12/01/2015.

Hiện nay cháu D đang sống cùng với anh P tại bản Đ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nguyên vọng của chị C về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn, chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quảng Văn D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị C không yêu cầu anh Quảng Văn P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Quảng Văn P không có ý kiến gì; Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu Quảng Văn D nên cần giao cháu Quảng Văn D cho chị Lò Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy chị C không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu D là phù hợp nên chấp nhận ý kiến của chị C không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lò Thị C.

[4] Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Lò Thị C không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về; Anh P không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị C là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị C là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị C là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị C.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị C ly hôn anh Quảng Văn P.

2. Về con chung:

Giao cháu Quảng Văn D, sinh ngày 12/01/2015 cho chị Lò Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Quảng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lò Thị C.

Anh P có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị C.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho chị C biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Quảng Văn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Ích Rồng